

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 25-4-2024.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hào và ông Trần Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/TLST-HS ngày 04/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 11/4/2024, đối với bị cáo:

Tráng A Đ; Sinh năm 1976; Nơi sinh: Huyện X, tỉnh Hà Giang; Nơi ở hiện tại: **Bản C, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Tráng A** (đã chết), con bà: **Sùng Thị D**, sinh năm: 1960; Vợ: **Hờ Thị K**, sinh năm: 1978, bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2023..

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 11/3/2024 chuyển tạm giam ngày 19/3/2024 tại nhà tạm giữ **Công an huyện M**, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Hà Văn K1**, trợ giúp viên pháp lý - **chi nhánh S**, trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt.

Đây là vụ án điểm năm 2024 của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện M và là vụ án Rút kinh nghiệm của Thẩm phán năm 2024

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 11/3/2024, Tráng A một mình đi bộ từ nhà ở bản C, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa đến bản T, xã M, huyện M để làm nhà thuê cùng Giàng A D1 là người ở bản T, xã M. Đến trưa cùng ngày T A Đ ra về, trên đường về thì Đ gặp một người đàn ông dân tộc Mông (Đ không biết tên tuổi, địa chỉ của người này), khi gặp nhau Đ đã hỏi mua ma túy với người đàn ông, thì anh ta đồng ý bán. Đ đưa cho người đàn ông số tiền 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng) anh ta nhận tiền từ Đ đưa rồi bảo Đ đứng chờ. Người đàn ông đi vào rừng một lúc thì quay lại đưa cho Đ 02 (Hai) mảnh nilon màu hồng, tiếp đến mảnh nilon màu vàng bên trong chứa 01 (Một) viên hồng phiến và 02 (hai) cục heroine. Mua được ma túy Tráng A Đ cầm trên tay trái rồi đi bộ về nhà.

Hồi 14 giờ 00 phút, cùng ngày, khi T A Đ đi đến địa phận bản Trung Thắng, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa thì gặp Tổ công tác Công an huyện M phối hợp với Công an xã M, huyện M làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát bảo đảm ANTT, yêu cầu Tráng A đứng lại để kiểm tra, quá trình kiểm tra thì phát hiện trong lòng bàn tay trái Tráng A có 02 (Hai) mảnh nilon màu hồng và màu vàng bên trong chứa 01 (Một) viên nén hình trụ tròn màu hồng và 02 (Hai) cục bột màu trắng hồng. Tráng A Đ khai nhận là ma túy hồng phiến và ma túy heroin vừa mua của một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên tuổi, địa chỉ ở trên đồi mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tuyên bố bắt người phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ số vật chứng nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 1089/KL-KTHS ngày 18/3/2024 của Phòng KTHS Công an tỉnh T, kết luận:

- 01 (một) viên nén hình trụ tròn màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,107g (Không thấy một không bảy gam) loại: Methamphetamine.

- 02 (hai) cục bột màu trắng hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,117g (Không thấy một một bảy gam) loại: Heroine. Mathamphetamine.

Tổng 02 (Hai) chất ma túy là 0,224g (Không phải hai hai bốn gam).

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-ML ngày 04/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác. Bị cáo khai, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy trái phép là vi phạm pháp luật và bị Nhà N nghiêm cấm nhưng do là người nghiện ma túy, không kìm chế được bản thân nên đã cố tình phạm tội. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, không khai báo thêm tình tiết mới.

Tranh luận và luận tội: Tại phiên tòa. Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Tráng A Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo từ 14 đến 16 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo không có thu nhập ổn định, gia đình là hộ nghèo nên không có tính khả thi.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định.

Về án phí: Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát về tội danh, điều luật và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tạo điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình là hộ nghèo; ít được đi học nên nhận thức còn hạn chế, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo **Tráng A Đ1** mức án 12 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhận tội, đồng tình với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi, quyết định tố tụng: Trong giai đoạn tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện M**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân **huyện M**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, Kết luận giám định. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định, thời gian, không gian, địa điểm và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 11/3/2024, tại **bản T, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**, **Tráng A Đ1** bị Tổ công tác **Công an huyện M** phối hợp với **Công an xã M** phát hiện và bắt quả tang **Tráng A** đang có hành vi tàng trữ 01 viên nén hình trụ tròn màu hồng và 02 cục bột màu trắng hồng. **Tráng A Đ1** khai nhận là ma túy mua về để sử dụng cho bản thân, không có mục đích nào khác. Qua giám định, số ma túy thu giữ của **Tráng A** là 0,107g (Không thấy một không bảy gam) loại: Math amphetamine và 0,117g (Không thấy một một bảy gam) loại: Heroine. Mathamphetamine. Các chất ma túy này đều được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Để đảm bảo đúng quy định của pháp luật hình sự, thì hai chất

ma túy thu giữ của Tráng **A Đ1** được phép cộng dồn lại và có tổng khối lượng là 0,224g (Mười sáu phẩy sáu ba bảy gam) ma túy. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo **Tráng A Đ1** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, vì bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện và bị pháp luật nghiêm cấm mua bán, sử dụng, tàng trữ,... cũng như khi con người sử dụng thì sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào ma túy, ngoài ra ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần, làm cho bao gia đình ly tán, tan gia, bại sản, vợ mất chồng, con mất cha, ... và ma túy cũng là tác nhân phát sinh các tội phạm khác, như như trộm cắp, cướp giật, giết người.... Bị cáo biết những tác hại nguy hiểm của ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân, hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về quản lý chất ma túy của nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thái độ ăn năn hối cải, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét về hình phạt:

Hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, phòng ngừa, đồng thời để bị cáo cai nghiện chất ma túy; Thấy rằng đề nghị về hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với hành vi phạm tội, cũng như khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nương rẫy, gia đình bị cáo là hộ nghèo. Nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Xét về vật chứng trong vụ án: Số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Xét về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số (H'Mông) sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo, nên HĐXX miễn án phí HSST cho bị cáo.

[8] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[9] Các nhận định khác: Đối với người đàn ông dân tộc Mông bán ma túy cho **Tráng A Đ1**, trước đó **Đ1** không quen biết, đây là lần đầu tiên **Đ1** gặp và mua ma túy của người này. Cơ quan CSĐT **Công an huyện M** không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về tội danh: Tuyên, bị cáo **Tráng A Đ1** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Xử phạt **Tráng A** (Mười sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (11/3/2024).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 01 (một) phong bì niêm phong mẫu do **Phòng K2 Công an tỉnh T** phát hành, mặt trước ghi “CA Mường Lát TC106 ngày 14/3/2024”, mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký đứng tên **Lê Minh T1**, **Trần Thị Thúy H**, **Vũ Văn N1** và các hình dấu đỏ, tròn có nội dung **Phòng K2 Công an tỉnh T**.

Vật chứng trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 35/2024/TV-CCTHADS ngày 05/4/2024 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Về án phí: Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí HSST cho bị cáo Tráng A Đ1.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai, có mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT - Công an H. Mường Lát;
- Nhà tạm giữ - Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Bộ phận hồ sơ - Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Mường Lý, huyện Mường Lát;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Dũng